

Bản án số: 233/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 25-9-2024

V/v: “Ly hôn và tranh chấp nuôi con  
chung”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐIỆN BÀN, TỈNH QUẢNG NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Thế.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lương Thị Kim Anh.  
2. Ông Nguyễn Văn Tươi.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trương Thị Quý, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Điện Bàn tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Đình Nhật Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024, tại Hội trường Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 65/2024/TLST-HNGĐ ngày 22/4/2024 về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 174/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 97/2024/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm: 1979. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Phạm T, sinh năm 1977. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã Đ, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày: Tôi và ông T kết hôn với nhau năm 2002, có tổ chức đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng; việc kết hôn là tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông T thường xuyên rượu chè, cờ bạc, số đề và nhiều lần đánh đập, xúc phạm tinh thần tôi. Vì con nên tôi vẫn nhẫn nhịn chịu đựng suốt 20 năm qua để nuôi con, nhưng đến nay ông T không thay đổi mà vẫn tiếp tục có hành vi bạo lực. Gần đây nhất là vào ngày 07/10/2023, ông T chửi bới đánh đập tôi bị nói xương sườn và chấn thương toàn bộ vùng ngực phải nhập viện. Nay tôi thấy không thể tiếp tục chung sống với ông T được nữa nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng chúng tôi có 03 con chung trên: Phạm Đình V, sinh ngày 08/02/2003, Phạm Thị Thu T, sinh ngày 17/02/2007 và Phạm Đình Q, sinh ngày 07/8/2009. Cháu V đã đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động nên không

yêu cầu giải quyết. Khi ly hôn, tôi nguyện vọng được nuôi cháu T và cháu Q; không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/5/2024, bị đơn - ông Phạm T trình bày:* Ông thống nhất với bà H về thời gian, điều kiện kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn như bà H trình bày nhưng ông không đồng ý ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông T đều vắng mặt nên không tổ chức hòa giải được.

Về con chung: Có 03 con chung như bà Trần Thị H trình bày là đúng, ông T không đồng ý ly hôn nên không có ý kiến gì về việc nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Điện Bàn phát biểu ý kiến:*

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã tuân thủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 81 và Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà H được ly hôn với ông T và giao con chung cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu nên không đề nghị xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: Không đề nghị xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:*

[1] Về tố tụng: Nơi cư trú của ông Phạm T tại Thôn B, xã Đ, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam; bà H yêu cầu ly hôn và nuôi con chung. Vì vậy, quan hệ pháp luật giải quyết là “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông T tự nguyện tìm hiểu và đến với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 34 ngày 09/5/2002 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, giữa bà H và ông T xảy ra mâu thuẫn; theo bà H nguyên nhân là do ông T không lo làm ăn, cờ bạc và có hành vi bạo lực gia đình, nhiều lần đánh đập, xúc phạm bà; mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông T vắng mặt nên Tòa án không tiến hành phiên họp, hòa giải được giữa

các đương sự. Tại phiên tòa, ông Tiếp tục vắng mặt không có lý do. Điều này thể hiện mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng giữa bà H và ông T không thể hòa giải được, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của bà H là có căn cứ và áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Huyền.

[3] Về nuôi con chung: Bà H yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, ông T không đồng ý ly hôn nên không có ý kiến gì về việc nuôi con. Hiện nay các con chung đang sống chung với bà H và ông T; tại các bản tự khai, cháu Q và cháu T đều có nguyện vọng được ở với mẹ để đảm bảo việc học tập. Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của các cháu, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình xử giao cháu T và cháu Q cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu nên không xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[6] Về án phí: Bà Trần Thị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147 và khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

### **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H về việc “*Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung*”.

1. Về hôn nhân: Cho bà Trần Thị H được ly hôn với ông Phạm T.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Thị Thu T, sinh ngày 17/02/2007 và cháu Phạm Đình Q, sinh ngày 08/02/2009 cho bà Trần Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Phạm T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí Hôn nhân gia đình: 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), bà Trần Thị H phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014477 ngày 22/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 25/9/2024); bị đơn vắng mặt có quyền đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND thị xã Điện Bàn;
- Chi cục THADS thị xã Điện Bàn ;
- UBND p. Hòa Xuân, Cẩm Lệ, ĐN;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

**Võ Văn Thế**



